

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN -
BỘ NỘI VỤ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
BỘ NỘI VỤ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61/2008/TTLT-BNN-BNV

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2008

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện
và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã
về nông nghiệp và phát triển nông thôn**

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Liên Bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và

nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn như sau:

Phần I

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

I. VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi và phát triển nông thôn; phòng, chống lụt, bão; an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trong quá trình sản xuất đến khi đưa ra thị trường; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn chuyên

môn nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; quy hoạch phòng, chống giảm nhẹ thiên tai phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, mục tiêu quốc phòng, an ninh của địa phương; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục trực thuộc;

c) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó các tổ chức thuộc Sở; Trưởng, Phó phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện; tham gia dự thảo quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh lãnh đạo phụ trách lĩnh vực

nông nghiệp của Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị thuộc Sở theo quy định của pháp luật;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Ban hành quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi):

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phương án sử dụng đất dành cho trồng trọt và chăn nuôi sau khi được phê duyệt và biện pháp chống thoái hóa đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về: giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng;

d) Tổ chức công tác bảo vệ thực vật, thú y (bao gồm cả thú y thủy sản), phòng, chống và khắc phục hậu quả dịch bệnh động vật, thực vật; hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định;

đ) Tổ chức phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh đối với sản xuất nông nghiệp;

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, giống vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

5. Về lâm nghiệp:

a) Hướng dẫn việc lập và chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập các khu rừng phòng hộ, khu rừng đặc dụng, khu rừng sản xuất trong phạm vi quản lý của địa phương sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc phân loại rừng, xác định ranh giới các loại rừng, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức thực hiện phương án giao rừng cho cấp huyện và cấp xã sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng cho tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện dự án đầu tư về lâm nghiệp tại Việt Nam; tổ chức việc lập và quản lý hồ sơ giao, cho thuê rừng và đất để trồng rừng;

Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn, bản và giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định;

d) Tổ chức việc bình tuyển và công

nhận cây mẹ, cây đầu dòng và rừng giống trên địa bàn tỉnh. Xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; trồng rừng; chế biến và bảo quản lâm sản; phòng và chống dịch bệnh gây hại rừng, cháy rừng;

đ) Chịu trách nhiệm phê duyệt phương án điều chế rừng, thiết kế khai thác rừng; giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo và kiểm tra việc trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ theo quy định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc cho phép mở cửa rừng khai thác và giao kế hoạch khai thác cho chủ rừng là tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi được phê duyệt; việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý, bảo vệ rừng ở địa phương; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy, chữa cháy rừng.

6. Về diêm nghiệp:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến muối ở địa phương;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch dự trữ muối của tỉnh sau khi được phê duyệt.

7. Về thủy sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định hành lang cho các loài thủy sản di chuyển khi áp dụng các hình thức khai thác thủy sản; công bố bổ sung những nội dung quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về danh mục các loài thủy sản bị cấm khai thác và thời gian cấm khai thác; các phương pháp khai thác, loại nghề khai thác, ngư cụ cấm sử dụng hoặc hạn chế sử dụng; chủng loại, kích cỡ tối thiểu các loài thủy sản được phép khai thác; mùa vụ khai thác; khu vực cấm khai thác và khu vực cấm khai thác có thời hạn cho phù hợp với hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản của tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về xác lập các khu bảo tồn biển của địa phương; quy chế quản lý khu bảo tồn biển do địa phương quản lý và quy chế vùng khai thác thủy sản ở sông, hồ, đầm, phá và các vùng nước tự nhiên khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thủy sản. Chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch nuôi trồng thủy sản của cấp huyện và tổ chức thực hiện việc quản lý vùng nuôi trồng thủy sản tập trung;

đ) Tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc giao, cho thuê, thu hồi mặt nước biển thuộc địa phương quản lý để nuôi trồng thủy sản theo quy định;

e) Tổ chức kiểm tra chất lượng và kiểm dịch giống thủy sản ở các cơ sở sản xuất giống thủy sản; tổ chức thực hiện phòng trừ và khắc phục hậu quả dịch bệnh thủy sản trên địa bàn theo quy định;

g) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy định về phân cấp quản lý tàu cá, cảng cá, bến cá, tuyến bờ, khu neo đậu trú bão của tàu cá và đăng kiểm tàu cá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; về quy chế và tổ chức quản lý hoạt động của chợ thủy sản đầu mối.

8. Về thủy lợi:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về phân cấp quản lý các công trình thủy lợi vừa và nhỏ và chương trình mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác,

sử dụng và bảo vệ các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; tổ chức thực hiện chương trình, mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn đã được phê duyệt;

b) Thực hiện các quy định về quản lý sông, suối, khai thác sử dụng và phát triển các dòng sông, suối trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, bảo vệ đê điều, bảo vệ công trình phòng, chống lũ, lụt, bão; xây dựng phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện việc phòng, chống lũ, lụt, bão, hạn hán, úng ngập, chua phèn, xâm nhập mặn, sạt, lở ven sông, ven biển trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch sử dụng đất thủy lợi, tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; về hành lang bảo vệ đê đối với đê cấp IV, cấp V; việc quyết định phân lũ, chặm lũ để hộ đê trong phạm vi của địa phương theo quy định.

9. Về phát triển nông thôn:

a) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn cấp xã. Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về phát triển nông thôn trên địa bàn;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến di dân, tái định cư trong nông thôn; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; việc phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác định canh, di dân, tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

đ) Tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

10. Về chế biến và thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản và muối:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp, ngành nghề, làng nghề gắn với hộ gia đình và hợp tác xã sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến đối với các ngành hàng và lĩnh vực cơ điện, ngành nghề, làng nghề nông thôn, bảo quản sau thu hoạch thuộc phạm vi quản lý của Sở;

c) Tổ chức thực hiện công tác xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý của Sở;

d) Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác dự báo thị trường, xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

11. Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông, ứng dụng tiến bộ khoa học công

nghệ vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản.

12. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản và hoạt động phát triển nông thôn tại địa phương.

13. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về đăng kiểm, đăng ký, cấp và thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật hoặc sự phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

14. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn; tổ chức công tác thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất diêm nghiệp, diễn biến rừng, mặt nước nuôi trồng thủy sản theo quy định.

15. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

16. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở

theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy định của pháp luật.

17. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn của tỉnh theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về các dịch vụ công do Sở tổ chức thực hiện.

18. Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các hội, tổ chức phi Chính phủ thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

19. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của tổ chức nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt trên địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

20. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất của

ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

21. Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý vi phạm pháp luật về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

22. Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão; tìm kiếm cứu nạn; các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng của tỉnh theo quy định của pháp luật; tham gia khắc phục hậu quả thiên tai về bão, lũ, lụt, sạt, lở, hạn hán, úng ngập, chua phèn, xâm nhập mặn và dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

23. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

24. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của tổ chức, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tổ chức

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

25. Quản lý tài chính, tài sản của Sở theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

26. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

27. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

III. TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

1. Lãnh đạo Sở:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Giám đốc và các Phó Giám đốc.

Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở; chịu trách nhiệm báo

cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc Sở chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và theo quy định của pháp luật. Việc miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức:

2.1. Tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở:

a) Các tổ chức được thành lập thống nhất ở các địa phương gồm:

- Văn phòng Sở (thực hiện nhiệm vụ quản lý: hành chính, văn thư, quản trị, theo dõi tổng hợp, cải cách hành chính, hợp tác quốc tế, pháp chế,...);

- Thanh tra Sở;

- Phòng Kế hoạch - Tài chính;

- Phòng Tổ chức cán bộ (thực hiện nhiệm vụ quản lý: tổ chức, cán bộ - công

chức - viên chức, đào tạo, chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật, ...);

b) Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ được thành lập phù hợp với đặc điểm của từng địa phương, bao gồm: Phòng Trồng trọt, Phòng Chăn nuôi; Phòng Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Phòng Quản lý xây dựng công trình (nếu khối lượng xây dựng cơ bản lớn) hoặc phòng chuyên môn nghiệp vụ khác.

Việc thành lập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở phải bảo đảm bao quát đầy đủ các lĩnh vực công tác của Sở; chức năng, nhiệm vụ của từng phòng phải rõ ràng, không chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ của phòng và tổ chức khác thuộc Sở; đối với những chuyên ngành, lĩnh vực cần thành lập Chi cục thì không lập phòng chuyên môn nghiệp vụ cùng ngành, lĩnh vực đó.

Căn cứ vào đặc điểm, yêu cầu và khối lượng công việc quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn của từng địa phương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng và tên gọi cụ thể các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở, nhưng số lượng các phòng, văn phòng và thanh tra không quá 8 (đối với Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) và

không quá 7 (đối với Sở thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương).

2.2. Chi cục quản lý chuyên ngành:

a) Ở cấp tỉnh:

Các Chi cục quản lý chuyên ngành giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng quản lý nhà nước và triển khai các nhiệm vụ về chuyên ngành trong việc tổ chức thực thi pháp luật; thực hiện công việc tác nghiệp thường xuyên, đồng thời đề xuất về cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực chuyên ngành.

Số lượng chi cục quản lý chuyên ngành bảo đảm có sự kế thừa hợp lý những chi cục hiện có đang hoạt động hiệu quả và thành lập chi cục mới nhưng không quá 9 tổ chức, bao gồm:

- Chi cục Bảo vệ thực vật (Chi cục Bảo vệ thực vật đảm nhận cả nhiệm vụ quản lý chuyên ngành trồng trọt, nếu không thành lập phòng trồng trọt);

- Chi cục Thú y (Chi cục Thú y đảm nhận cả nhiệm vụ quản lý chuyên ngành chăn nuôi, nếu không thành lập phòng chăn nuôi) bao gồm cả thú y thủy sản;

- Chi cục Kiểm lâm;

- Chi cục Lâm nghiệp (thành lập ở những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có diện tích rừng và đất chưa sử

dụng được quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp trên 50.000 ha). Ở các tỉnh khác giao chức năng quản lý lâm nghiệp cho Chi cục Kiểm lâm;

- Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản (thành lập ở những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển có quy mô khai thác lớn);

- Chi cục Nuôi trồng Thủy sản (thành lập ở các tỉnh ven biển có quy mô nuôi trồng đảm bảo có một trong các tiêu chí sau:

+ Diện tích nuôi trồng thủy sản tập trung thâm canh được quy hoạch từ 5.000 ha trở lên;

+ Diện tích mặt nước biển quy hoạch nuôi trồng thủy sản từ 20.000 ha trở lên;

+ Sản lượng giống thủy sản sản xuất nhân tạo đạt 3 tỷ con/năm trở lên).

- Chi cục Thủy sản (thành lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không đủ tiêu chí thành lập riêng Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và Chi cục nuôi trồng thủy sản);

- Chi cục Thủy lợi hoặc Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống lụt, bão (thành lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hệ thống công trình thủy nông lớn và chiều dài đê ít; thực hiện cả nhiệm vụ cấp nước nông thôn, thủy lợi, đê điều và phòng, chống lụt, bão);

- Chi cục Đê điều và Phòng, chống lụt, bão (thành lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hệ thống đê sông, đê biển lớn);

- Chi cục Phát triển nông thôn (thực hiện cả nhiệm vụ kinh tế hợp tác, kinh tế hộ, kinh tế trang trại, làng nghề, ngành nghề nông thôn, chế biến nông lâm thủy sản);

- Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (thành lập ở các tỉnh có nhiều cơ sở chế biến nông sản thực phẩm, có năng lực xét nghiệm chất lượng, phân tích các yếu tố đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và không thành lập Phòng Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản).

Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể về số lượng, tên gọi của các Chi cục.

b) Ở cấp huyện:

Một số chi cục được tổ chức Hạt, Trạm đặt trên địa bàn huyện, bao gồm:

- Chi cục Kiểm lâm (có Hạt Kiểm lâm huyện), Chi cục Đê điều và phòng, chống lụt bão (có Hạt quản lý đê huyện hoặc Hạt quản lý đê liên huyện).

- Đối với một số Chi cục khác cần có tổ chức đặt trên địa bàn huyện, bao gồm: Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Thú y, căn cứ vào đặc điểm, yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Trạm bảo vệ thực vật trực thuộc Chi cục Bảo vệ thực vật và Trạm Thú y trực thuộc Chi cục Thú y.

Các Trạm, Hạt có trách nhiệm tổ chức thực thi và đề xuất hoặc phối hợp đề xuất, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực được giao trên địa bàn; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra và điều động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong trường hợp cần thiết theo quy định.

c) Ở cấp xã:

Căn cứ đặc điểm cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định: Chi cục Thú y, Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Thủy lợi được hợp đồng nhân viên chuyên môn, kỹ thuật và cộng tác viên hoạt động trên địa bàn xã.

2.3. Tổ chức sự nghiệp trực thuộc:

Căn cứ vào đặc điểm và khối lượng công việc thực tế ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập tổ chức sự nghiệp chuyên ngành trực thuộc Sở, bao gồm: Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư; Trung tâm Nước

sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; các Trung tâm Giống (cây trồng, vật nuôi, thủy sản); Ban Quản lý (cảng cá, bến cá, rừng, công trình, dự án...).

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư được thành lập Trạm trực thuộc đặt trên địa bàn huyện, có nhân viên hợp đồng và cộng tác viên làm công tác khuyến nông, khuyến ngư trên địa bàn xã theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Biên chế:

a) Việc xác định biên chế, bố trí cán bộ, công chức, viên chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Sở và chức danh tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ vào khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm cụ thể về quản lý ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ xác định biên chế hành chính của Sở để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trong tổng biên chế hành chính nhà nước của tỉnh;

c) Biên chế sự nghiệp của các đơn vị trực thuộc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo phân cấp.

Phần II

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN Ở CÁC HUYỆN VÀ PHÒNG KINH TẾ Ở CÁC QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH

I. VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở các huyện và Phòng Kinh tế ở các quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ; kinh tế trang trại nông thôn; kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề ở nông thôn và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện và theo quy định của pháp luật, bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành, lĩnh vực công tác ở địa phương.

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Phòng Kinh tế có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp

huyện; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình khuyến khích phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn để Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện dự thảo các văn bản về lĩnh vực chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, các quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý được giao.

4. Tổ chức thực hiện công tác phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và

nghe muối; công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh trên địa bàn.

5. Tổ chức bảo vệ đê điều, các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; công trình nuôi trồng thủy sản; công trình cấp, thoát nước nông thôn; công trình phòng, chống lũ, lụt, bão; quản lý mạng lưới thủy nông trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; về thực hiện các biện pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, bảo vệ rừng, trồng rừng và khai thác lâm sản; chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn.

7. Đầu mối phối hợp tổ chức và hướng dẫn thực hiện nội dung liên quan đến phát triển nông thôn; tổng hợp tình hình, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện việc xây dựng và phát triển nông thôn trên địa bàn huyện về các lĩnh vực: phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp; phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn; khai thác và sử dụng nước sạch nông thôn; chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

8. Thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất diêm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản, diễn biến rừng; tổ chức thực hiện các biện pháp canh tác phù hợp để khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và nghề muối.

9. Quản lý các hoạt động dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản; vật tư nông lâm nghiệp, phân bón và thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện.

10. Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến diêm và các dự án phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn huyện.

11. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

12. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của các hội và tổ chức phi Chính phủ trên địa bàn thuộc

các lĩnh vực quản lý của phòng theo quy định của pháp luật.

13. Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra và thanh tra việc thi hành pháp luật; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão; tìm kiếm cứu nạn; các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng của huyện theo quy định; đề xuất phương án, biện pháp và tham gia chỉ đạo việc phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai về lũ, lụt, bão, sạt, lở, hạn hán, úng ngập, xâm nhập mặn và dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản trên địa bàn huyện.

15. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao về các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

16. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân cấp huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật.

III. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế có Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn cấp huyện được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Số lượng biên chế cụ thể làm công tác quản lý ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định trong tổng biên chế hành chính của huyện.

Phần III

NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

I. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân

xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức và hướng dẫn thực hiện quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án khuyến khích phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách về nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. Chỉ đạo kế hoạch sản xuất nông nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, phát triển rừng hàng năm; tổ chức hướng dẫn nông dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt.

4. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức huy động lực lượng và thực hiện phòng trừ dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản; tổ chức thực hiện việc tu bổ, bảo vệ đê điều, bờ vùng, công trình và cơ sở hậu cần chuyên ngành, bảo vệ rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng, chống chặt phá rừng và khắc phục hậu quả thiên tai hạn hán, bão, lũ, úng, lụt, sạt, lở, cháy rừng; ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ đê điều, bảo vệ rừng, công trình và cơ sở hậu cần chuyên ngành tại địa phương.

5. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ và mạng lưới thủy nông; giám sát, kiểm tra, bảo vệ việc sử dụng nước trong công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất diêm nghiệp; thống kê rừng, kiểm kê rừng, diễn biến tài nguyên rừng, diễn biến số lượng gia súc, gia cầm trên địa bàn cấp xã theo quy định; tổng hợp tình hình thực hiện tiến độ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

7. Tổ chức việc khai thác và phát triển các ngành, nghề, làng nghề truyền thống nông thôn; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để phát triển sản xuất và phát triển các ngành, nghề mới trên địa bàn cấp xã.

8. Tổ chức thực hiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn cấp xã theo quy định.

9. Tổ chức thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ công về nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn cấp xã.

10. Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, công tác thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn cấp xã theo quy định.

II. VỀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức địa điểm làm việc và chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã theo quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo.

2. Phân công một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm điều phối hoạt động của đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã.

3. Căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương và Quy chế quản lý, phối hợp công tác của cán bộ, nhân viên kỹ thuật trên địa bàn cấp xã đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể lập Ban nông nghiệp xã gồm các cán bộ, nhân viên kỹ thuật trên địa bàn xã để quản lý, điều phối hoạt động về nông nghiệp trên địa bàn.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chỉ đạo việc kiện toàn hệ thống tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn;

b) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc quy định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Thông tư này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Thông tư này thay thế: Thông tư liên tịch số 11/2004/TTLT-BNN-BNV ngày 02 tháng 4 năm 2004 của liên Bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thông tư số 01/2005/TTLT-BTS-BNV ngày 03 tháng 02 năm 2005 của liên Bộ Bộ Thủy sản và Bộ Nội vụ

Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý nhà nước về thủy sản và các quy định trước đây của liên Bộ trái với Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần bổ sung, sửa đổi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo về liên Bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ để nghiên cứu giải quyết./.

**BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ**

Trần Văn Tuấn

**BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Cao Đức Phát